TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK Bản án số: 32/2025/HNGĐ – ST Ngày 12/9/2025. V/v: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Hoàng Thị Hường.

2.Bà Trần Thị Mỹ Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Toà án nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thúy V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Ông Đặng Thanh Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 3, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ cũ: Thôn 3, xã H, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị Thúy V trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đặng Thanh Đ có tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2003 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên

cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống, đến năm 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên vợ chồng vẫn cố gắng hòa giải, hàn gắn. Đến khoảng tháng 9 năm 2024 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, anh Đ đã có hành vi đánh đập tôi, tôi có trình báo đến UBND xã H giải quyết, sau đó vợ chồng lại trở về sống cùng nhau. Tuy nhiên anh Đ vẫn chứng nào tật nấy, thường xuyên đánh và hăm dọa giết tôi nên tôi đã bỏ về nhà bố mẹ ruột sống từ tháng 4 năm 2025 cho đến nay. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ.

-Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung là cháu Đặng Thị Hoài P, sinh ngày 09/8/2004, cháu Đặng Thành N, sinh ngày 31/01/2008 và cháu Đặng Thành Gia H, sinh ngày 12/9/2019.

Cháu Đặng Thị Hoài P hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu giải quyết. Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đặng Thành Gia H, sinh ngày 12/9/2019 và giao cháu Đặng Thành N, sinh ngày 31/01/2008 cho anh Đ nuôi dưỡng.

-Về yêu cầu cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông Đặng Thanh Đ vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị Thúy V được ly hôn với ông Đặng Thanh Đ.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Đặng Thị Hoài P, sinh ngày 09/8/2004, cháu Đặng Thành N, sinh ngày 31/01/2008 và cháu Đặng Thành Gia H, sinh ngày 12/9/2019.

Cháu Đặng Thị Hoài P, sinh ngày 09/8/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét.

Giao cháu Đặng Thành N, sinh ngày 31/01/2008 cho ông Đặng Thanh Đ nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Thành Gia H, sinh ngày 12/9/2019 cho bà Đoàn Thị Thúy V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Thúy V không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Thúy V không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện (nay là Tòa án nhân dân khu vực) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Đặng Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Nguyên đơn bà Đoàn Thị Thúy V có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

3.1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Thúy V và ông Đặng Thanh Đ có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại 24/11/2003 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 cho đến nay. Vì vậy bà V đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Thanh Đ; Quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Thanh Đ không tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Đoàn Thị Thúy V và ông Đặng Thanh Đ đã đến mức trầm trọng, vợ chồng mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà V xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn, còn ông Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không thể xác định nguyện vọng của ông về quan hệ hôn nhân. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, mặc dù địa phương không nắm cụ thể mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên xác định được bà V và ông Đ không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy thấy được quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị Thúy V và ông Đặng Thanh Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Thúy V, cho bà Đoàn Thị Thúy V được ly hôn với ông Đặng Thanh Đ.

3.2.Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà V, ông Đ có 03 con chung là cháu Đặng Thị Hoài P, sinh ngày 09/8/2004, cháu Đặng Thành N, sinh ngày 31/01/2008 và cháu Đặng Thành Gia H, sinh ngày 12/9/2019. Bà Đoàn Thị Thúy V có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Thành Gia H, sinh ngày 12/9/2019, hiện nay do bà V đang trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Thành N, sinh ngày 31/01/2008 cho ông Đặng Thanh Đ nuôi dưỡng, còn cháu Đặng Thị Hoài P đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ vắng mặt nên không thể xác định được nguyện vọng của ông về con chung, trong bản tự khai cháu Đặng Thành N có nguyện vọng sống cùng bố, còn cháu Đặng Thành Gia H còn nhỏ và đang do bà V nuôi dưỡng. Vì vậy việc giao cháu Đặng Thành N, sinh ngày 31/01/2008 cho ông Đặng Thanh Đ và giao cháu Đặng Thành Gia H, sinh ngày 12/9/2019 cho bà Đoàn Thị Thúy V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Đặng Thanh Đ và bà Đoàn Thị Thúy V được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông Đ, bà V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và phí tổn nuôi dưỡng con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Bà Đoàn Thị Thúy V không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

3.3.Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Thúy V không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Đoàn Thị Thúy V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị Thúy V được ly hôn với ông Đặng Thanh Đ.

2.Về con chung: Có 03 con chung là cháu Đặng Thị Hoài P, sinh ngày 09/8/2004, cháu Đặng Thành N, sinh ngày 31/01/2008 và cháu Đặng Thành Gia H, sinh ngày 12/9/2019.

Cháu Đặng Thị Hoài P, sinh ngày 09/8/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét.

Giao cháu Đặng Thành N, sinh ngày 31/01/2008 cho ông Đặng Thanh Đ nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Thành Gia H, sinh ngày 12/9/2019 cho bà Đoàn Thị Thúy V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Đặng Thanh Đ và bà Đoàn Thị Thúy V được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông Đ, bà V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và phí tổn nuôi dưỡng con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Bà Đoàn Thị Thúy V không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

3.Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Thúy V không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4.Về án phí: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Thúy V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003300 ngày 16/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Đắk Lắk).

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND khu vực 4-Đắk Lắk;
-Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
-UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thanh Tùy **Mó Măng** **H'Năm Bkrông**

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
-UBND xã Long Thạnh
H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H' Năm Bkrông